TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2024/QĐST- DS	*T, ngày 11 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Khoản 3, 5 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 7, 9 điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2023/TLST- DS ngày 07 tháng 7 năm 2023

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1931.
- Bị đơn: Anh Mai Xuân H, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh T

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Mai Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn I , huyện I , tỉnh G

+ Bà Mai Thị H1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Lô 06, MBQH 1265, phường Quảng H1, thành phố T, tỉnh T.

+ Bà Mai Thị H2, sinh năm 1963.

Địa chỉ: thôn H , thị trấn L , huyện T, tỉnh T.

+ Chị Mai Thị H3, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh T

+ Anh Mai Xuân H1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn L , huyện T, tỉnh T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Phần chia di sản thừa kế: Các bên thống nhất thỏa thuận:

* Bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng thửa đất số 46, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H, xã X, huyện T, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 196830, số vào sổ cấp GCN CH 4591, cấp ngày 14/11/2016 cấp cho hộ ông Mai Xuân Ngạn, có kích thước các cạnh như sau:

- Chiều rộng hướng Đông Nam mặt đường ngõ xóm là 15,27m
- Chiều rộng hướng Đông Nam giáp phần đất của ông H là 16m
- Chiều rộng hướng Tây Bắc giáp thửa số 11 là 36,55m
- Chiều dài hướng Tây Nam giáp đường ngõ xóm là 29,39m
- Chiều dài hướng Tây Nam giáp phần đất của ông H là 7 m
- Chiều dài hướng Đông Bắc (đoạn 1) giáp thửa số 60 là 8,75m
- Đoạn kéo ngang giáp thửa 60 là 3.60m
- Chiều dài hướng Đông Bắc (đoạn 2) giáp thửa số 60 là 12,24m
- Chiều dài hướng Đông Bắc (đoạn 3) giáp thửa số 60 là 14,24 m
- Chiều dài hướng Đông Bắc (đoạn 4) giáp thửa số 45 là 0,85 m

Tổng diện tích là 1144,1m2; Loại đất: Đất ở; Trị giá 400.400.000đ

Bà Nguyễn Thị N được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm:

+ 01 ngôi nhà cấp 4, có diện tích là 60,5m2 xây dựng năm 1960 sửa chữa năm 2020. Nhà xây tường xây gạch 220, nền lát gạch bát đỏ; mái lợp tôn xốp, cửa gỗ; lắp điện chiếu sáng hoàn chỉnh, trị giá là 15.576.000đ.

+ 01 nhà ngang có diện tích là 42,5m2 xây dựng năm 1960. Nhà mái ngói, tường xây gạch 220, nền ximăng, cửa gỗ, quét vôi ve lắp điện chiếu sáng hoàn chỉnh, trị giá là 3.000.000đ.

+ 01 nhà tắm có kích thước 10,7m2, nhà mái bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic 300 x 300 có đầy đủ thiết bị vệ sinh, xây dựng năm 2017, trị giá 4.930.000đ

+ 01 Bán bình có diện tích là 64,5m2, kết cấu khung thép, lợp mái tôn xốp kết hợp tấm mica lấy sáng xây dựng năm 2020, trị giá 11.988.000đ

Tổng giá trị tài sản trên đất là 35.494.000đ.

* Ông Mai Xuân H được quyền sử dụng thửa đất số 46, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn H, xã X, huyện T, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 196830, số vào sổ cấp GCN CH 4591, cấp ngày 14/11/2016 cấp cho hộ ông Mai Xuân Ngạn, có kích thước các cạnh như sau:

- Chiều rộng hướng Tây Nam giáp đường ngõ xóm là 7m
- Chiều rộng hướng Đông Bắc giáp phần đất của bà N là 7m
- Chiều dài hướng Đông Nam mặt đường ngõ xóm là 16m
- Chiều dài hướng Tây Bắc giáp phần đất của bà N là 16m

Tổng diện tích đất ở là 112 m2, trị giá 39.200.000đ.

Trên phần diện tích đất ông H được nhận không có tài sản trên đất .

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 196830, số vào sổ cấp GCN CH 4591, cấp ngày 14/11/2016 cấp cho hộ ông Mai Xuân Ngạn không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về án phí và chi phí tố tụng: Các bên thống nhất thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Mai Xuân H chịu án phí DSST có giá ngạch là 980.000đ. Bà Nguyễn Thị N chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc hiện trạng tổng là 7.000.000đ (Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án DS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng